

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG TRONG DẠY HỌC Ở CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC

ThS. TRẦN THỊ TUA\*

**Abstract:** "Learner-oriented" teaching is a modern trend, consistent with the practice of Vietnam in the context of integration and industrialization. Education is the decisive factor in improving quality of human resource. Applying the case study method aims to promote the positive and initiative of learners, helping them adapt to the changes of social life.

**Keywords:** learner-oriented; Social life.

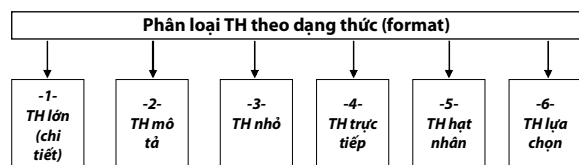
Dạy học "hướng vào người học" là xu thế dạy học hiện đại, phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong giai đoạn đất nước đang chuyển mình để hội nhập với xu thế phát triển chung của toàn thế giới. Trong dạy học cần tích cực vận dụng *phương pháp nghiên cứu tình huống* (PPNCTH) bởi lẽ phương pháp này có nhiều ưu điểm nổi trội, giúp cho việc dạy học mang lại hiệu quả cao, làm tăng tính thực tiễn của môn học, giúp sinh viên (SV) dần hình thành năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn, làm tăng hứng thú học tập của các em. Việc nghiên cứu, lựa chọn và xây dựng hệ thống các tình huống (TH) giáo dục, xây dựng quy trình hợp lý để đưa chúng vào giảng dạy cho SV là một vấn đề thiết thực; nó vừa có giá trị về mặt khoa học, vừa có ý nghĩa thiết thực đối với thực tiễn quá trình đào tạo hiện nay.

## 1. Tình huống

**1.1. Khái niệm TH.** Ở góc độ Tâm lý học, TH là hệ thống các sự kiện bên ngoài có quan hệ với chủ thể, có tác dụng thúc đẩy chủ thể đó. Trong quan hệ không gian, TH xảy ra bên ngoài nhận thức của chủ thể. Trong quan hệ thời gian, TH xảy ra trước so với hành động của chủ thể. Trong quan hệ chức năng, TH là sự độc lập của các sự kiện đối với chủ thể ở thời điểm mà người đó thực hiện hành động.

**1.2. Phân loại TH.** Trên thực tế, có nhiều cách phân loại TH; cách phân loại phổ biến là phân loại TH theo dạng thức (format). Theo cách này, TH được chia thành 6 dạng cơ bản với những đặc điểm, phương pháp tiến hành tương đối khác nhau [Boehrer, John, and Martin Linsky (1990)].

**1.3. Các yếu tố cấu thành TH.** Cho dù hình thức diễn đạt có thể khác nhau như trực tiếp dưới dạng một câu hỏi hay gián tiếp truyền tải đến người học qua một vở hoạt cảnh thì dạy học bằng *phương pháp TH* là đặt



ra cho người học câu hỏi "Bạn sẽ làm gì trong TH này?". Do đó, một TH trong dạy học thường bao gồm các yếu tố cơ bản sau [Christensen, C. (1981)]: - Một ngữ cảnh thật; - Nội dung thông tin, dữ kiện; - Một kết thúc mở chứa đựng vấn đề.

## 2. Phương pháp nghiên cứu TH trong dạy học

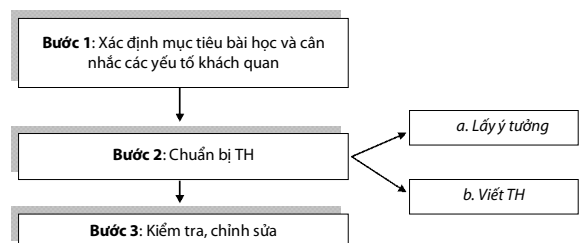
### 2.1. Khái niệm phương pháp nghiên cứu TH.

Theo Nguyễn Hữu Lam (2003), "*phương pháp TH là một kỹ thuật giảng dạy trong đó các thành tố chủ yếu của nghiên cứu TH được trình bày với những người học với các mục đích minh họa hoặc các kinh nghiệm giải quyết vấn đề*" [Nguyễn Hữu Lam, 1/10/2003].

**2.2. Cách thức soạn thảo TH.** Để thiết kế một TH cần tiến hành theo 3 bước như sau [Waterman, M. & Stanley, E. (2005)]:

### 2.3. Tiến trình thực hiện phương pháp nghiên cứu TH

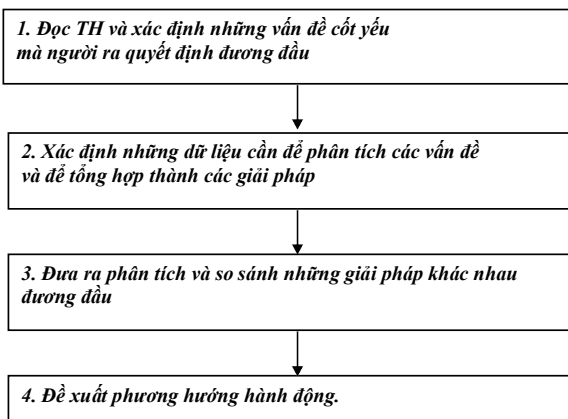
**2.3.1. Quá trình chuẩn bị:** - Về phía người dạy: + Đặt ra yêu cầu với người học; + Mô tả cấu trúc của



\* Trường Đại học Tân Trào

một buổi học TH và chia nhóm; + Chuẩn bị kiến thức cho người học; - Về phía người học: Chuẩn bị chu đáo kiến thức đối với yêu cầu của giảng viên (GV). Trong thảo luận TH, người học sẽ đưa ra ý kiến, đặt ra những câu hỏi, xây dựng luận chứng, luận cứ trên cơ sở những luận điểm của cá nhân/nhóm, phân tích, tổng hợp các ý kiến tranh luận, tự điều chỉnh hướng thảo luận và học hỏi kinh nghiệm từ những người khác thông qua trao đổi, tranh luận quan điểm.

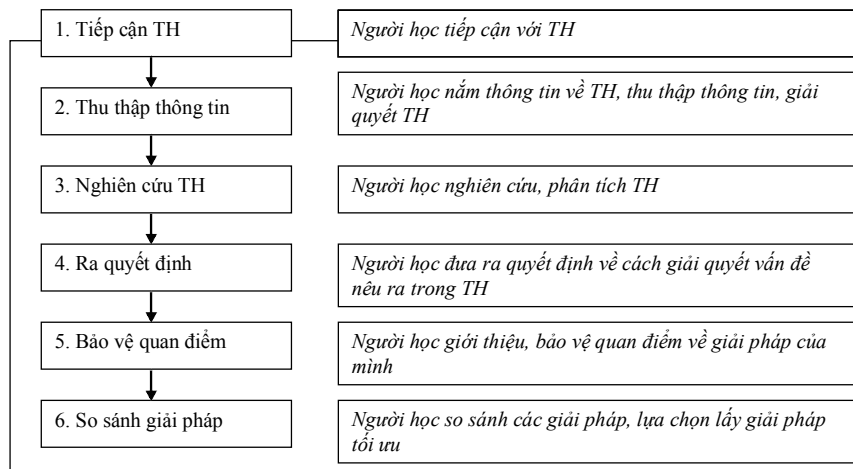
2.3.2. Tiến trình thực hiện một buổi học theo PPNCTH. Trong một tiết dạy học áp dụng PPNCTH GV đóng vai trò như người điều phối, dẫn dắt và trợ giúp (*facilitator*), còn SV giữ vai trò trung tâm. Theo Garvin, D.A. (2003), trước một TH, người học sẽ phải lần lượt trải qua các bước như sau:



Theo một số nhà giáo dục nước ngoài, PPNCTH được thực hiện theo mô hình 6 bước. Đó là một mô hình lí tưởng, phù hợp với tiến trình thực hiện PPNCTH trong dạy học môn *Giáo dục học* ở Việt Nam.

#### BẢNG ĐÁNH GIÁ TH

Hãy đánh giá TH bằng cách nêu ra mức độ đồng ý của bạn với những nhận định sau (có thang điểm tương ứng).



3: Xuất sắc 2: Tốt 1: Trung bình 0: Kém (xem *bảng trang bên*)

### 3. Ưu điểm và một số lưu ý về PPNCTH

#### 3.1. Ưu điểm:

- PPNCTH giúp gắn lí thuyết với thực tiễn trong dạy học, nâng cao tính thực tiễn của môn học, giảm thiểu rủi ro của người học khi tham gia thực tiễn cuộc sống, thực tiễn nghề nghiệp. Sau khi tiếp thu các kiến thức lí thuyết, việc giải quyết các bài tập TH sẽ giúp người học có cái nhìn sâu hơn và thực tiễn hơn về vấn đề lí thuyết đã được học. Thông qua việc giải quyết TH, người học sẽ có điều kiện để vận dụng linh hoạt các kiến thức lí thuyết.

- PPNCTH góp phần nâng cao tính tích cực, chủ động, sáng tạo và hứng thú học tập của người học. Trong dạy học theo TH các nhóm SV phải chủ động tìm kiếm và phân tích các thông tin để đi tìm các giải pháp có thể có cho TH. Để đáp ứng được yêu cầu này, SV phải chủ động tư duy, thảo luận/tranh luận trong nhóm để tìm hiểu sâu thêm về lí thuyết cũng như thực tiễn và tìm ra các giải pháp cho các TH. Chính trong quá trình suy nghĩ, tranh luận, bảo vệ các giải pháp, người học đã tham gia vào quá trình nhận thức. Sự tham gia tích cực đó đã góp phần tạo ra sự hứng thú và say mê học tập, sáng tạo của SV.

- PPNCTH giúp SV phát triển kĩ năng (KN) làm việc nhóm, KN phân tích, giải quyết vấn đề, KN trình bày, bảo vệ và tranh luận, phản biện ý kiến trước tập thể. Để giải quyết TH, SV thường phải làm việc theo nhóm. Cả nhóm cùng phân tích và thảo luận để đi đến giải pháp, sau đó trình bày giải pháp của mình cho cả lớp. Với cách học như vậy, người học học được cách chia sẻ kiến thức, thông tin để cùng đạt được mục tiêu chung. Thêm nữa, người học cũng học được cách tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người khác trong quá trình làm việc nhóm hay tranh luận.

- Dạy học bằng PPNCTH, GV có điều kiện trao đổi, học hỏi những kinh nghiệm và những cách nhìn, giải pháp mới từ phía người học, thông qua đó mà góp phần làm phong phú hơn nội dung giảng dạy cũng như hoàn thiện các TH dạy học.

- TH dạy học trong PPNCTH thường là những TH mang tính phức hợp,

<b>Tính hiệu quả của TH</b>	
3	TH phục vụ tốt cho mục tiêu bài học, thúc đẩy được người học nắm vững nội dung bài học sau khi nghiên cứu và thảo luận TH.
2	TH có hướng đến mục tiêu bài học, nhưng không đủ sức thúc đẩy người học tự tìm tòi để nắm được nội dung bài học.
1	Chỉ có một vài mục tiêu bài học được hướng tới trong TH
0	TH không phục vụ cho mục tiêu bài học
<b>Tính phù hợp của nội dung TH</b>	
3	Vấn đề được nêu ra trong TH vừa phù hợp với nội dung bài học, vừa phù hợp với trình độ, khả năng của người học.
2	Vấn đề được nêu ra trong TH phù hợp với nội dung bài học nhưng chưa phù hợp với trình độ và khả năng của người học
1	Những vấn đề mà TH nêu ra không phù hợp với nội dung bài học (quá cụ thể hay quá chung chung)
0	TH không nêu ra được vấn đề nào cả
<b>Tính trọng tâm của TH</b>	
3	TH chứa đựng đầy đủ dữ kiện, trong đó bao gồm những chi tiết và (hoặc) ví dụ cụ thể; những dữ kiện trong TH giải thích rõ ràng và liên kết logic với vấn đề nêu ra.
2	TH có nêu ra được vấn đề nhưng chưa thật sự hoàn chỉnh. Những dữ kiện trong TH giúp người học xác định rõ hơn vấn đề của TH, nhưng một số dữ kiện cần thiết còn bị thiếu
1	Những dữ kiện trong TH không được liên hệ rõ ràng với vấn đề mà TH nêu ra khiến cho người học có cảm thấy có nhiều chi tiết không cần thiết.
0	Vấn đề mà TH nêu ra trừu tượng, không rõ ràng. Người học không thấy được mối liên hệ giữa dữ kiện và vấn đề mà TH nêu ra
<b>Tính trung thực của bối cảnh TH</b>	
3	Bối cảnh của TH phản ánh những TH có thật, và những hoạt động trên nền bối cảnh ấy mô phỏng lại được những hoạt động thực của những nhà chuyên môn trong lĩnh vực mà người học đang nghiên cứu.
2	Một số yếu tố trong bối cảnh còn thiếu tính chính xác và sinh động. Tuy nhiên, bối cảnh TH nhìn chung vẫn chứa đựng những yếu tố thực giúp cho người học có thể xử lý được vấn đề một cách hiệu quả.
1	Bối cảnh TH có vẻ như chân thực, nhưng lại không giúp cho người học có thể học tập và thu nhận kiến thức và kĩ năng (KN).
0	Bối cảnh TH không mang tính chân thực
<b>Tính chặt chẽ của TH</b>	
3	Những chi tiết trong TH được sắp xếp theo trật tự logic, mạch lạc và thường được xếp theo trật tự thời gian
2	Có đôi chỗ các chi tiết trong TH bị sắp xếp chưa thật hợp lí
1	Các chi tiết trong TH không được sắp xếp một cách logic. Không thể xác định được mối quan hệ giữa chúng
0	Các chi tiết sắp xếp lộn xộn. Mối liên hệ giữa các chi tiết không rõ ràng
<b>Sự rành mạch của TH</b>	
3	TH dễ hiểu. Các chi tiết được sắp xếp hợp lí và ngôn ngữ đơn giản. Những thuật ngữ chuyên môn được sử dụng một cách hạn chế, hoặc nếu có dùng thì ý nghĩa của chúng cũng trình bày rõ ràng hoặc có thể suy đoán được
2	TH hơi khó hiểu. Không phải tất cả mọi chi tiết đều trình bày rõ ràng và bằng ngôn ngữ đơn giản
1	Có nhiều chỗ khó tối nghĩa trong TH. Hầu hết các chi tiết được làm phức tạp hoá một cách không cần thiết.
0	Có quá nhiều thuật ngữ chuyên môn. Ngôn từ không đơn giản

Nguồn: Penn State Schreyer Institute for Teaching Excellence, 2004, Case Evaluation Rubric.

để giải quyết nó, người học cần vận dụng tổng hợp kiến thức của nhiều phân khác nhau trong một môn học, thậm chí kiến thức của nhiều môn học. Nhờ vậy, PPNTCH góp phần giúp người học biết cách liên kết, xâu chuỗi các phần nội dung đơn lẻ thành một bức tranh tổng thể về kiến thức. Đây là một yêu cầu rất quan trọng, vì SV trong quá trình học thường chỉ chú ý đến những bộ phận kiến thức đơn lẻ mà ít khi có ý thức hay biết cách xâu chuỗi, tạo ra các mối liên kết các kiến thức thành phần trong phạm vi một môn học hay từ nhiều môn học khác nhau, trong khi đó việc giải quyết các vấn đề của cuộc sống thực tiễn cũng như nghề nghiệp phần lớn đều đòi hỏi phải vận dụng các kiến thức tổng hợp, liên ngành.

### 3.2. Một số lưu ý:

- PPNTCH làm gia tăng khối lượng làm việc của GV và đòi hỏi GV phải luôn chấp nhận đổi mới, cập nhật các thông tin, kiến thức và KN mới. Để có những bài tập TH thực tế, sát với điều kiện, hoàn cảnh mới của xã hội, GV phải đầu tư thời gian và trí tuệ để tiếp cận thực tiễn, trên cơ sở đó mới có thể thu thập hay xây dựng được các TH dạy học mới, mang tính thời sự.

- PPNTCH đòi hỏi thực hiện những KN khá phức tạp trong giảng dạy, như cách tổ chức lớp học, bố trí thời lượng, đặt câu hỏi, tổ chức và khuyến khích người học tranh luận, dẫn dắt mạch thảo luận, nhận xét, phản biện. Đây thật sự là những thách thức lớn đối với GV trong quá trình ứng dụng phương pháp này.

- Đối với người học, thách thức lớn nhất là PPNTCH đòi hỏi ở họ sự năng động, sáng tạo, khả năng tư duy độc lập, bởi thế có một bộ

phận không nhỏ người học sẽ có những lúng túng nhất định khi được học theo phương pháp này.

- PPNCTH nếu sử dụng quá nhiều sẽ làm giảm hiệu quả việc tiếp thu các tri thức lí thuyết và làm người học nhiều khi lầm tưởng rằng thực tế luôn luôn diễn ra đúng như những TH cụ thể đã được học.

- Môi trường, điều kiện vật chất như trang thiết bị, quy mô lớp học... có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình dạy học bằng PPNCTH.

\*\*\*

Như vậy, có thể thấy rằng trong phương pháp giảng dạy cũ, người học tiếp xúc với tài liệu không phải trực tiếp mà là gián tiếp qua người dạy. Trong khi đó, ở phương pháp TH, người học không những có được cơ hội được tiếp xúc trực tiếp với tài liệu, mà họ còn có thể tương tác với người dạy cũng như những người học khác trong quá trình học tập. Thêm nữa, nếu như trong phương pháp giảng dạy cũ, người giáo viên nắm giữ vai trò trung tâm của “quyền lực tri thức” thì ở phương pháp TH, trọng tâm của buổi học đã chuyển dần về phía người học, khiến cho họ có thể chủ động hơn

trong việc quyết định nội dung cũng như phương thức học tập của mình. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Đặng Quốc Bảo (2002). *Vận dụng phương pháp nghiên cứu tình huống vào công tác huấn luyện tại trường cán bộ quản lí và đào tạo*. Tài liệu Trường Cán bộ quản lí giáo dục.
- [2] Boehrer, J., & Linsky, M. (1990). “Teaching with Cases: Learning to Question.” In M. D. Svinicki (ed.), *The Changing Face of College Teaching*. New Directions for Teaching and Learning, no. 42. San Francisco: Jossey-Bass.
- [3] Boehrer, J. (1995). *How to teach a case. Kennedy School of Government Case Programme*. Case No C18-95-1285.0 available from <http://www.ksgcase.harvard.edu>
- [4] Christensen, C. (1981). *Teaching by the Case Method*. Cambridge, Massachusetts: Harvard Business School.
- [5] Christensen, C. R., & Hansen, A. J. (1987). *Teaching and the Case Method*. Boston: Harvard Business School.
- [6] Viện Tâm lí học (2000). *Từ điển Tâm lí học*. NXB Khoa học xã hội.

## Tự chủ đại học nhìn từ góc độ...

(Tiếp theo trang 203)

đầu ra; giao ngân sách gắn với nhiệm vụ và sản phẩm cuối cùng. Nhà nước giao ngân sách gắn với các hệ thống định mức kinh tế kĩ thuật trong đào tạo, định mức phân bổ chi phí đào tạo, có sự phân biệt giữa cơ sở hoạt động có chất lượng hiệu quả với cơ sở kém chất lượng, không hiệu quả. Tiến tới, Nhà nước sẽ thực hiện cơ chế đặt hàng đối với đào tạo đại học. Tất cả các cơ sở GDĐH đều được tham gia vào quy trình tuyển chọn kinh phí đặt hàng đào tạo từ ngân sách nhà nước.

**3.3. Tự chủ về tài chính của các cơ sở GDĐH công lập cần thực hiện đồng bộ với tự chủ trên các lĩnh vực khác**, ví dụ như tự chủ trong tuyển sinh và tuyển dụng. Việc giới hạn chỉ tiêu tuyển sinh đồng nghĩa với việc hạn chế nguồn thu của các trường này. Do đó, đi kèm với TCTC thì các trường phải được quyết định số lượng tuyển sinh. Bộ GD-ĐT giám sát chất lượng, đưa ra thước đo chuẩn chất lượng từ đó có căn cứ để kiểm tra số lượng tuyển sinh. Trong tuyển sinh, các trường dựa trên cơ sở vật chất, năng lực đội ngũ để định ra chỉ tiêu tuyển sinh báo cáo Bộ GD-ĐT duyệt. Để nâng cao chất lượng đào tạo, các trường cũng cần được cho phép

tự chủ hơn nữa trong việc trả thu nhập cho người lao động, cho phép áp dụng cơ chế lương đặc thù để thu hút giảng viên và chuyên gia giỏi.

\*\*\*

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐH hiện nay, các cấp lãnh đạo, các trường không chỉ cần quan tâm đến các yếu tố đảm bảo chất lượng mà phải tính đến vai trò không thể thiếu của hoạt động tài chính trong giáo dục; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đối với các đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực GD-ĐT nói riêng và các cơ sở GDĐH nói chung; đáp ứng với sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Chính phủ. *Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công (ban hành kèm theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015)*.
- [2] Chính phủ. *Nghị định số 49/2010/NĐ-CP Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*.
- [3] Chính phủ. *Nghị định số 10/2002/NĐ-CP về chế độ tài chính áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp có thu*.
- [4] Bùi Minh Hiền - Nguyễn Vũ Bích Hiền (2015), *Quản lí và lãnh đạo nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.